

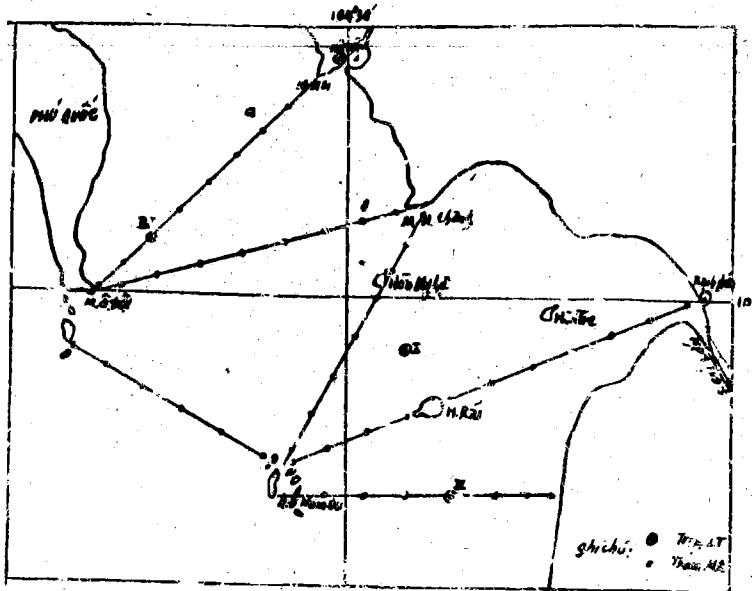
MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẦU KHẢO SÁT Ở VÙNG BIỂN KIÊN GIANG

(Báo cáo tại Hội nghị khoa học biển lần thứ II
Nhà trang tháng 9 năm 1984)

Huyện Bình An - Đại KTV Kiên Giang

TRƯỚC yêu cầu ngày càng nhiều của các ngành kinh tế quốc dân, yêu cầu của công tác điều tra cơ bản và nghiên cứu biển lâu dài ở vùng biển Kiên Giang, từ tháng VI-1979 đến tháng III-1984, Đại khí tượng thủy văn tỉnh Kiên Giang đã tổ chức 3 chuyến điều tra khảo sát tổng hợp khí tượng - hải văn tại vùng biển này.

Vùng biển khảo sát khá rộng lớn : chạy dài từ ranh giới Bình Minh hải đến



Hải triều (gần 200 km), rộng từ bờ biển Bạchgiá qua quần đảo Nam du đến đảo Phú quốc (hơn 100 km). Mạng lưới trạm khảo sát gồm : 5 trạm liên tục ngày đêm (25 giờ) và 6 tuyến mặt rộng trải khắp vùng biển khảo sát với 54 trạm (hình 1).

Vùng biển Kiên Giang nằm về phía tây đồng bằng sông Cửu Long và tây nam nước ta, ở vùng này có sông Cái lớn, các sông lớn nhất. Ngoài ra còn có hàng trăm sông nhỏ, kênh,

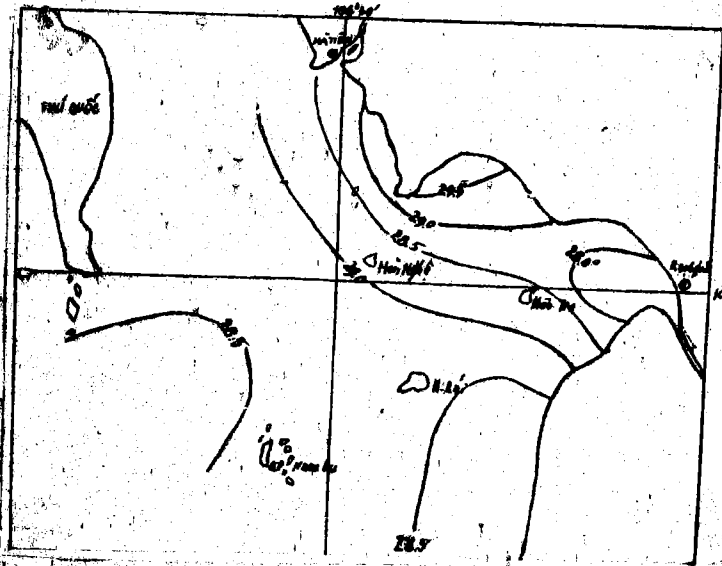
Hình 1 - Bản đồ mạng lưới trạm ở vùng biển Kiên Giang

rạch, tất cả đều đổ ra biển. Dòng nước ngọt từ các sông, kênh, rạch đổ ra biển, nhất là về mùa mưa lũ ảnh hưởng rất lớn đối với chế độ thủy văn ở vùng biển này. Bờ biển tương đối bằng phẳng, độ dốc rất bé. Độ sâu của biển không lớn, chỗ sâu nhất giáp với vùng ngoài khơi cũng không quá 30 m. Vùng biển này có nhiều đảo và quần đảo, đảo Phú quốc lớn nhất vùng, đồng thời là đảo lớn nhất nước ta.

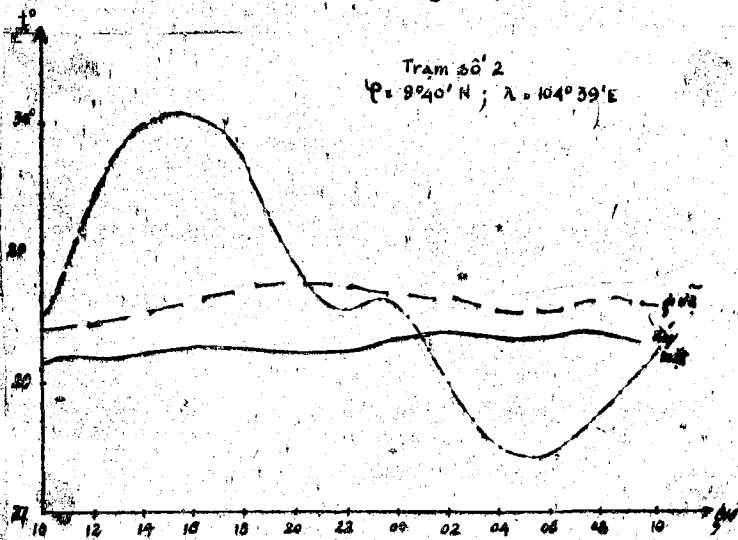
Dưới đây chúng tôi xin nêu một số kết quả khảo sát yếu tố hải văn thu thập được trong các chuyến khảo sát biển nói trên :

- Sự phân bố nhiệt độ nước biển :

Sự phân bố theo không gian của nhiệt độ nước biển ở vùng này có những nét chung như sau : Nhiệt độ nước biển tăng dần từ ngoài khơi vịnh Thái Lan vào trong bờ phía bắc, nhiệt độ tầng mặt thường thấp hơn nhiệt độ tầng đáy từ $0,5 - 1,0^{\circ}\text{C}$. Tháng III nhiệt độ nước biển thấp nhất là $27,0^{\circ}$, cao nhất là $29,5^{\circ}\text{C}$, tháng XI, nhiệt độ nước thấp nhất $27,8^{\circ}$, cao nhất là $30,5^{\circ}\text{C}$, còn tháng VI nhiệt độ nước biển thấp nhất là $29,0^{\circ}$, cao nhất lên đến $31,5^{\circ}\text{C}$.



Hình 2 - Bản đồ phân bố mặt rộng của nhiệt độ nước biển (tháng III)



Hình 3 - Đồ thị biến thiên ngày của nhiệt độ nước biển

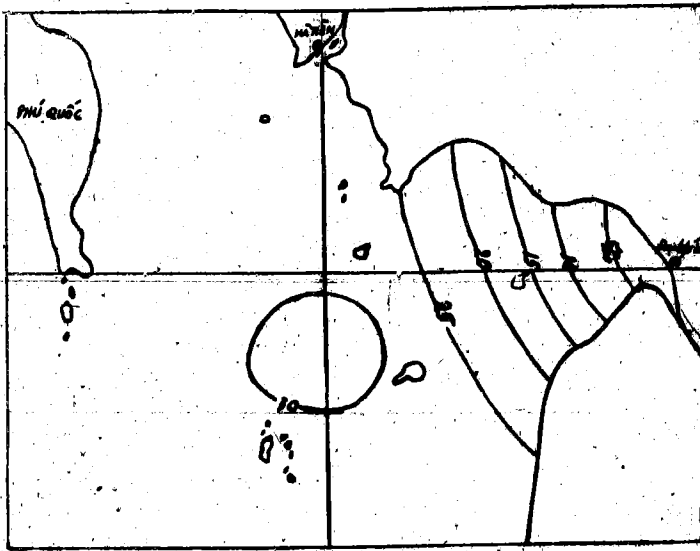
Sự biến thiên theo thời gian có thể thấy rất rõ ở các trạm liên tục ngày đêm : Các đồ thị biến thiên ngày của nhiệt độ nước biển hầu như giống ở các vùng biển khác là có dạng hình sin. Biên độ dao động ngày thường không quá 2° , giá trị cực tiểu xảy ra lúc 06 - 07 giờ, còn giá trị cực đại xảy ra lúc 14 - 15 giờ. Nhiệt độ nước ở tầng mặt có độ dao động lớn hơn ở các tầng khác. (Xem hình 2 - 3).

Một điều đáng lưu ý ở vùng biển này là nhiệt độ nước biển hầu như lớn hơn nhiệt độ không khí từ $0,5 - 2,0^{\circ}\text{C}$, trừ những ngày trời nắng và vào buổi trưa từ khoảng 11 - 15 giờ.

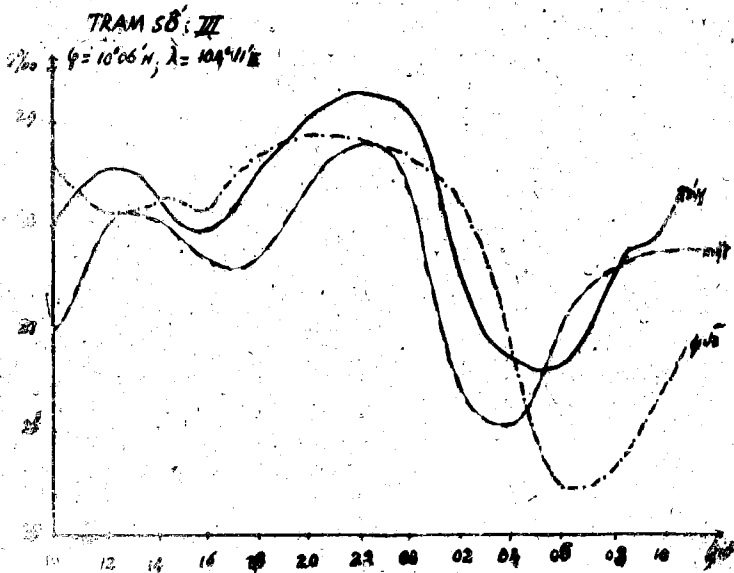
- Độ mặn của nước biển :

Sự phân bố theo không gian của độ mặn ở vùng biển này như sau : Do ảnh hưởng của nước ngọt từ các sông, kênh, rạch (chủ yếu là sông Cái Lớn) đổ ra biển, nên độ mặn ở vùng ven bờ vịnh Rạch Giá khác xa độ mặn ở các vùng ven bờ khác và khác xa vùng ngoài

khởi. Tại gần cửa sông Cái lớn, vùng Rạch giá độ mặn thấp nhất vùng (5‰), độ mặn cao nhất là vùng ngoài khơi quần đảo Nam du (29 - 30‰). Vào mùa mưa lũ, ranh giới lưỡi mặn 5‰ ăn ra gần tới Hòn tre, độ mặn tăng đây luôn luôn cao hơn tăng một từ 0,5 - 3,0‰. (Hình 4).



Hình 4 - Bản đồ phân bố độ mặn (tháng II)



Hình 5 - Đồ thị biến thiên ngày của độ mặn

Đồ thị biến thiên ngày của độ mặn ở các trạm liên tục chuyển phụ thuộc vào chế độ triều trong ngày đó, thường là hình sin có hai chần và hai đỉnh, các chần và đỉnh không đều nhau về giá trị nồng độ và lệch nhau về thời gian. Dao động của độ mặn trên tầng mặt lớn, các tầng nước khác khá bất định (hình 5).

- Màu và độ trong suốt nước biển

Nhìn chung diễn biến của màu và độ trong suốt của nước biển vùng này qua các thời kỳ khảo sát như sau: Số của màu nước tăng dần từ vùng thoáng và ngoài khơi vào trong vùng ven bờ (số V-VII, tức xanh lá cây - xanh da trời) và tăng nhanh đột ngột từ Hòn tre vào bờ vùng Rạch giá (số XIV - XVII, tức xanh lá cây - vàng). Độ trong suốt nước biển ở vùng ngoài khơi khoảng từ 5 - 8 m, còn trong vùng Rạch giá chỉ vào khoảng 1 m.

- Hải lưu :

Việc quan trắc hải lưu được tiến hành bằng hải lưu ký BPV - 2r ở 2 5 m và đáy. Thời gian quan trắc ở các trạm

liên tục mỗi lần là 25 giờ liên tục và cứ 15 phút có 1 số liệu hải lưu được ghi ở mỗi tầng đo.

Hướng hải lưu ở các trạm chủ yếu phụ thuộc vào địa hình vật bờ và hướng của triều lưu. Ở trạm số I hướng chủ yếu của hải lưu là đông đông bắc và tây tây nam, ở trạm số II và III hướng chính của hải lưu là bắc đông bắc đến nam tây nam. Tốc độ trung bình của hải lưu ở vùng biển này nằm trong khoảng : 12 - 22 cm/s. Tốc độ cực đại ở trạm I là 59 cm/s, ở trạm II là 47 cm/s và ở trạm III tốc độ hải lưu lớn nhất vùng khảo sát : 75 cm/s.

Kết luận :

Trên đây là tóm tắt một số kết quả bước đầu các chuyến khảo sát ở vùng biển Kiên giang. Số liệu tuy còn ít đối với yêu cầu của chúng ta muốn biết về vùng biển này, song qua các bước thu thập, tính toán và chỉnh lý bước đầu, chúng tôi nhận thấy số liệu, tài liệu quan trắc được ở vùng biển này là nghiêm túc, tin cậy và thật là đáng quý. Đặc biệt đáng quý hơn là ở vùng này từ trước đến nay chưa ai tổ chức điều tra, khảo sát khí tượng, hải văn, việc tổ chức được các chuyến khảo sát biển trong tình hình hiện nay, lại do một Đại khí tượng thủy văn địa phương đứng ra tổ chức nói lên rằng, dù cho thiếu phương tiện (tàu biển), thiếu dụng cụ, máy móc và nhân lực, nhưng nếu có quyết tâm cao, biết cách tổ chức và thực hiện, lại dựa vào sự giúp đỡ của các cơ quan trong ngành và cấp ủy địa phương, vẫn có thể tổ chức tốt các chuyến khảo sát biển. Với những kinh nghiệm của các chuyến khảo sát biển vừa qua, sắp tới chúng tôi sẽ cố gắng tổ chức các chuyến khảo sát biển sao cho đạt nhiều kết quả tốt hơn.//

KIÊN GIANG KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ VẤN ĐỀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ...

(Tiếp theo trang 6)

nhiều cửa, nhiều kênh rạch, nên triều truyền sâu vào đất liền. Công tác điều tra cơ bản tiến hành chưa đồng bộ, chưa có hệ thống v.v..., hơn nữa đồng bằng sông Cửu long chỉ là một phần nhỏ của một con sông lớn chảy qua lãnh thổ nhiều quốc gia mà trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia ấy hoàn toàn không giống nhau.

Giải quyết nước cho vùng hạ lưu là một đòi hỏi chính đáng và cấp thiết nhưng không thể giải quyết nhanh chóng được nhất là bằng biện pháp công trình hồ chứa ở thượng lưu. Vì thế vấn đề giải quyết nước phục vụ cho việc mở rộng diện tích, tăng sản, tăng vụ của đồng bằng sông Cửu long, trước mắt phải lợi dụng những hiện tượng thời tiết, thủy văn có lợi cho nông nghiệp kết hợp với chọn giống và bằng biện pháp công trình nhỏ như đắp đê ngăn mặn đắp đập bao lũ v.v... để bố trí mùa màng. Mặt khác ở đồng bằng sông Cửu long phải triệt để sử dụng lượng nước dưới đất để phục vụ cho sinh hoạt và cho nông nghiệp.

2. Chú ý khâu điều tra cơ bản tổ chức thu thập các yếu tố thủy văn trên toàn bộ hệ thống sông để thực hiện vấn đề này cần phải có sự hợp tác quốc tế của các nước có sông Mê Kông chảy qua. Về phần mình trên đồng bằng sông Cửu long cần có sự tập trung nhân lực, của cải, vật chất, trang thiết bị đủ để làm tốt khâu điều tra cơ bản, theo một kế hoạch chung.

3. Hợp tác quốc tế chặt chẽ với các nước trong Ủy ban sông Mê Kông để phối hợp nghiên cứu và triệt để khai thác mọi tiềm năng của sông Mê Kông phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.//